

Phần 1: NHẬN DẠNG

Tên sản phẩm: Chất Làm Sạch Khử Trùng Simple Green® Clean Finish
Các tên khác: Simple Green® Clean Finish

Mã sản phẩm: *Vui lòng tham khảo Phần 16

Khuyến nghị sử dụng: Khử trùng, diệt khuẩn, làm sạch và khử mùi trên các bề mặt cứng, không xốp. Xem nhãn.
Hạn chế sử dụng: Không sử dụng ngoài mục đích ghi trên nhãn.

Được sản xuất cho: Sunshine Makers, Inc.
 15922 Pacific Coast Highway
 Huntington Beach, CA 92649
 USA
Điện thoại: 800-228-0709 • 562-795-6000 Thứ Hai – Thứ Sáu, 8 giờ sáng – 5 giờ chiều, giờ PST
Fax: 562-592-3830
Email: info@simplegreen.com
Số điện thoại khẩn cấp: Dịch vụ khẩn cấp 24 giờ Chem-Tel: 800-255-3924

Phần 2: NHẬN DẠNG CHẤT NGUY HIỂM

Sản phẩm này được coi là nguy hiểm theo Tiêu chuẩn Truyền đạt thông tin về Chất nguy hiểm của OSHA 2012 (29 CFR 1910.1200).

Kích ứng mắt nghiêm trọng - Danh mục 2A

Nguy hiểm đối với môi trường nước, chất nguy hiểm cấp tính - Danh mục 2

Nguy hiểm đối với môi trường nước, chất nguy hiểm lâu dài - Danh mục 3

OSHA HCS 2012

Các yếu tố nhãn

Từ tín hiệu: Cảnh báo

Ký hiệu/Tượng hình Chất nguy hiểm:



Tuyên bố về chất nguy hiểm: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Độc đối với thủy sinh. Có hại lâu dài đối với thủy sinh.

Tuyên bố phòng ngừa: Phòng ngừa: Rửa tay thật kỹ sau khi xử lý. Đeo găng tay bảo hộ/mặc quần áo bảo hộ/bảo vệ mắt/bảo vệ mặt. Tránh phát thải ra môi trường. Ứng phó: **NEU DÍNH VÀO MẮT:** Rửa thật kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và để tháo. Tiếp tục rửa. Nếu hiện tượng kích ứng mắt vẫn còn: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế. Thải bỏ: Thải bỏ lượng chứa theo quy định của địa phương, khu vực và quốc gia.

Chất nguy hiểm chưa được phân loại (HNOC): Không

Các thông tin khác: Bảo quản tránh xa các vật liệu không tương thích. Nhãn sản phẩm theo quy định của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ và có thể không phù hợp với các tuyên bố của Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp có trong Bảng Chỉ Dẫn An Toàn Hóa Chất này.

Phần 3: HỢP CHẤT/THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Thành phần	Số CAS	Tỷ lệ phần trăm
Nước	7732-18-5	> 98.0%*
Tetrasodium EDTA	64-02-8	< 5.0%*
C12-15 Cồn etoxyl hóa	68131-39-5	< 1.0%*
Alkyl C12-14 Dimethylethylbenzyl Amoni Clorua	85409-23-0	< 1.0%*
Alkyl C12-18 Dimethylbenzyl Amoni Clorua	68391-01-5	< 1.0%*
Axit xanh 25	4403-90-1	< 0.001%*
Vàng 5	1934-21-0	< 0.001%*
Chất thơm	Hỗn hợp độc quyền	< 0.1%*

*tỷ lệ phần trăm cụ thể của hợp chất không được công bố vì đó là bí mật thương mại

Phần 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Hít phải: Đưa bệnh nhân ra nơi thoáng khí. Gọi bác sĩ nếu triệu chứng nặng hơn hoặc vẫn còn.

Tiếp xúc da: Sau khi tiếp xúc với da, ngay lập tức rửa với thật nhiều xà phòng và nước. Gọi bác sĩ nếu triệu chứng nặng hơn hoặc vẫn còn.

Phần 4: CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU – tiếp tục

Tiếp xúc với mắt: Rửa thật kỹ bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa. Nếu hiện tượng kích ứng mắt vẫn còn: Nhận tư vấn/chăm sóc y tế.

Nuốt phải: Xúc miệng. Nhận chăm sóc y tế nếu xảy ra triệu chứng.

Các triệu chứng/tác động quan trọng nhất, cấp tính và lâu dài:

Các cá nhân bị phơi nhiễm có thể bị chảy nước mắt, mẩn đỏ và khó chịu.

Chỉ định cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần thiết:

Nếu nuốt phải, có khả năng gây tổn thương niêm mạc và cấm dùng phương pháp rửa dạ dày. Điều trị người bị ảnh hưởng một cách thích hợp.

Phần 5: CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp & không phù hợp:

Sử dụng hóa chất khô, CO₂, vòi xịt nước hoặc bọt “còn”. Tránh sử dụng vòi nước khối lượng lớn.

Các chất nguy hiểm cụ thể phát sinh từ hóa chất:

Trong trường hợp xảy ra cháy, lửa sẽ tạo ra oxit cacbon, có thể tạo thành amoni, nitơ clorua, nitơ oxit.

Các biện pháp bảo vệ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa:

Phải đeo mặt nạ dưỡng khí do NIOSH/MSHA phê chuẩn và mặc quần áo bảo hộ. Làm mát các thùng chứa tiếp xúc với lửa bằng vòi xịt nước.

Phần 6: CÁC BIỆN PHÁP GIẢM NHỆ TAI NẠN

Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, Thiết bị bảo hộ và Quy trình khẩn cấp: *Đối với nhân viên khẩn cấp và không khẩn cấp:* Giữ nhân viên không cần thiết tránh xa khu vực nguy hiểm. Giữ mọi người tránh xa và ở hướng ngược gió với vị trí tràn đổ/rò rỉ. Hãy ở hướng ngược gió. Thông gió ở những không gian đóng kín trước khi đi vào. Tránh xa các khu vực thấp. Mặc thiết bị bảo hộ và quần áo bảo hộ phù hợp khi dọn dẹp. Không chạm vào thùng chứa bị hỏng hoặc vật liệu tràn đổ trừ khi mặc quần áo bảo hộ phù hợp. Đảm bảo đủ thông gió. Cần báo cho chính quyền địa phương nếu không thể thu gom lượng tràn đổ lớn. Xem phần 8 – bảo vệ cá nhân.

Các biện pháp phòng ngừa môi trường: Không cho phép xâm nhập vào hệ thống nước lộ thiên và hệ thống nước ngầm. Không xả nước thải có chứa sản phẩm này vào hồ, suối, ao, cửa sông, đại dương hoặc các vùng nước khác trừ khi tuân theo các yêu cầu của giấy phép Hệ thống Thải bỏ Chất ô nhiễm Quốc gia và cơ quan cấp phép đã được thông báo bằng văn bản trước khi xả thải. Không xả nước thải có chứa sản phẩm này vào hệ thống cống rãnh mà không thông báo trước cho cơ quan quản lý nhà máy xử lý nước thải địa phương.

Phương pháp và vật liệu để chứa đựng và dọn dẹp: Tràn đổ nhiều – dùng dòng chảy của vật liệu, nếu điều này không gây rủi ro. Chặn vật liệu tràn đổ nếu có thể thực hiện. Che bằng tấm nhựa để ngăn lan rộng. Sử dụng vật liệu khó cháy như vermiculite, cát hoặc đất để thấm sản phẩm và cho vào thùng chứa để xử lý sau. Sau khi thu hồi sản phẩm, rửa sạch khu vực bằng nước. Tràn đổ nhỏ – lau sạch bằng vật liệu thấm hút (ví dụ: vải, lông cừu). Vệ sinh thật sạch bề mặt để loại bỏ tạp chất còn sót lại. Không cất chất tràn đổ vào thùng chứa ban đầu để tái sử dụng.

Phần 7: XỬ LÝ VÀ BẢO QUẢN

Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn: Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Khi sử dụng, không ăn, uống hoặc hút thuốc. Thông gió đầy đủ. Mặc thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Các điều kiện để bảo quản an toàn bao gồm các điều kiện không tương thích: Đóng chặt nắp thùng chứa. Cất ở nơi khô mát. Tránh phơi nhiễm lâu dưới ánh sáng mặt trời. Không bảo quản ở nhiệt độ trên 109°F (42.7°C). Bảo quản trong thùng chứa ban đầu ở khu vực mà trẻ em không tiếp cận được. Không đặt nghiêng thùng chứa. Tránh làm cong vênh hoặc tác động tới các thành bên của thùng chứa. Đề nghị tái chế nếu có hoặc bỏ vào thùng rác. Thùng chứa không thể nạp lại. Không sử dụng lại hoặc nạp lại thùng chứa này.

Phần 8: BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

Giá trị giới hạn phơi nhiễm: Không chứa giới hạn phơi nhiễm có thể báo cáo.

Biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp: Vòi hoa sen & bồn rửa mắt. Trong các quá trình có thể tạo ra sương mù hoặc hơi nước thì phải thông gió thích hợp theo các thực hành thông gió tốt.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân / Thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE)

Tiếp xúc với mắt: Đeo kính bảo hộ vừa khít

Hô hấp: Trong trường hợp không đủ thông gió, hãy đeo thiết bị hô hấp phù hợp.

Tiếp xúc da: Đeo găng tay bảo hộ và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Các lưu ý chung về vệ sinh: Tránh tiếp xúc da, mắt và quần áo. Rửa tay trước khi giải lao và ngay sau khi xử lý sản phẩm.

Phần 9: CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Biểu hiện bên ngoài:		Chất lỏng màu xanh lam	Hệ số phân chia: n-octanol/nước:		Không có dữ liệu	
Mùi:		Mùi tẩy rửa tinh chất bạc hà	Nhiệt độ tự bốc cháy:		Không có dữ liệu	
Ngưỡng mùi:		Chưa xác định	Nhiệt độ phân hủy:		Không có dữ liệu	
pH:		11.4 – 12.4	Độ nhớt:		Không có dữ liệu	
Điểm đóng băng:		Không có dữ liệu	Trọng lượng riêng:		1.00 – 1.01	
Dải & điểm sôi:		101°C (213.8°F)	Hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC): **Nước & chất thơm không được đưa vào trong tính toán			
Điểm chớp cháy:		>100.9 °C (>213.6°F)	SCAQMD 304-91 / EPA 24:		Chưa kiểm tra	
Tốc độ bay hơi:		Chưa xác định	Phương pháp CARB 310**:		≤3 g/L	0.025 lb/gal
Tính dễ cháy (chất rắn, khí):		Chưa xác định	Phương pháp SCAQMD 313:		≤0.3%	
Tính dễ cháy cao hơn/thấp hơn hoặc phát nổ:		Giới hạn	Không áp dụng		Áp suất một phần hỗn hợp VOC:	
Áp suất bay hơi:		Chưa xác định	Mật độ tương đối:		Chưa xác định	
Mật độ bay hơi:		Chưa xác định	Độ hòa tan:		8.34 - 8.42 lb/gal	
					100% trong nước	

Phần 10: ĐỘ ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

Phản ứng: Không phản ứng.

Độ ổn định hóa chất: Ổn định ở các điều kiện bình thường 70°F (21°C) và 14.7 psig (760 mmHg).

Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm: Không có phản ứng nguy hiểm nào được biết trong điều kiện sử dụng bình thường.

Các điều kiện cần tránh: Quá nóng hoặc quá lạnh. Nhiệt độ vượt quá điểm chớp cháy. Tiếp xúc với vật liệu không tương thích.

Các vật liệu không tương thích: Axit mạnh, kiềm và chất oxi hóa.

Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Phân hủy do nhiệt có thể sinh ra hơi/khói độc hại của khí nitơ, amoniac, cacbon dioxit, cacbon monoxit và hydrocacbon trọng lượng phân tử thấp.

Phần 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Các khả năng phơi nhiễm: Hít phải - Hít phải trong thời gian dài có thể gây hại.

Tiếp xúc da -	Gây kích ứng da nhẹ.
Tiếp xúc với mắt -	Gây kích ứng mắt.
Nuốt phải -	Nguy cơ nuốt phải thấp.

Các triệu chứng liên quan tới đặc điểm vật lý, hóa học và độc học: không có triệu chứng theo dự kiến trong các điều kiện sử dụng điển hình.

Tác động lâu dài và tức thì và/hoặc tác động mãn tính do phơi nhiễm trong thời gian ngắn: Không có thông tin về ảnh hưởng sức khỏe đối với người bị phơi nhiễm.

Phần 11: THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH – tiếp tục

Tác động lâu dài và tức thì và/hoặc tác động mãn tính do phơi nhiễm trong thời gian dài: Không có thông tin về ảnh hưởng sức khỏe đối với người bị phơi nhiễm.

Tác động tương tác: Chưa biết.

Số đo độc tính

Độc tính cấp tính:	Đường miệng LD ₅₀ (chuột cống)	Chưa tính toán
	Qua da LD ₅₀ (thỏ)	Chưa tính toán

Không có thông tin về độc tính cho vật liệu cụ thể này. Thông tin về độc tính này được cung cấp cho các công thức tương tự.

Ăn mòn da/Kích ứng da:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này.
Tổn thương mắt/Kích ứng mắt:	Hỗn hợp được phân loại là chất gây kích ứng mắt nghiêm trọng (2A).
Khả năng gây đột biến gen ở tế bào mầm:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này. Không có dữ liệu cho thấy sản phẩm hoặc các thành phần có hơn 0.1% là chất gây đột biến gen hoặc gây độc cho gen.
Khả năng gây ung thư:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này. Không được coi là chất gây ung thư bởi IARC, ACGIH, NTP hoặc OSHA.
Độc tính sinh sản:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này.
STOT-Phơi nhiễm một lần:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này.
STOT-Phơi nhiễm lặp lại:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này.
Nguy hiểm đến hô hấp:	Hỗn hợp không được phân loại theo danh mục này.

Phần 12: THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính

sinh thái:

Thủy sinh:	Tetra sodium ethylenediamine tetra acetic axit (64-02-8), bluegill (<i>Lepomis macrochirus</i>) LC50 472-500 mg/l, 96 giờ
Trên cạn:	Chưa đánh giá.

Tính bền và khả năng phân hủy:	Không có dữ liệu.
Khả năng tích tụ sinh học:	Không có dữ liệu.
Tính di động trong đất:	Không có dữ liệu.
Các tác dụng phụ khác:	Không có dữ liệu.

Phần 13: NHỮNG CÂN NHẮC KHI THẢI BỎ

Chất lỏng chưa sử dụng hoặc đã sử dụng

THẢI BỎ THUỐC TRỪ SÂU: Chất thải thuốc trừ sâu rất nguy hại. Việc thải bỏ không đúng cách đối với thuốc trừ sâu, hỗn hợp phun dư thừa hoặc nước thải rửa là vi phạm Luật Liên bang. Nếu những chất thải này không thể được thải bỏ theo hướng dẫn trên nhãn, hãy liên hệ với Cơ quan Kiểm soát Môi trường hoặc Thuốc trừ sâu Tiểu bang của bạn, hoặc đại diện về Chất thải Nguy hại tại Văn phòng Khu vực EPA gần nhất để được hướng dẫn.

Thùng chứa rỗng:

THẢI BỎ THÙNG CHỨA: Thùng chứa không thể nạp lại. Không sử dụng lại hoặc nạp lại thùng chứa này. Đề nghị tái chế nếu có thể hoặc chọc thủng và thải bỏ tại bãi chôn lấp hợp vệ sinh, thiêu hoặc đốt, nếu được chính quyền địa phương và tiểu bang cho phép. Nếu đốt, hãy tránh xa đám khói.

Phần 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Số U.N: Không áp dụng
Tên vận chuyển phù hợp U.N: Không áp dụng
Phân loại chất nguy hiểm trong vận chuyển: Không áp dụng
Nhóm đóng gói: Không áp dụng
Chất nguy hiểm với môi trường: Ô nhiễm môi trường biển - KHÔNG

Phần 14: THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN – tiếp tục

Vận chuyển theo lô (theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và bộ luật IBC): Chưa biết.
Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt mà người dùng cần biết/tuân thủ, liên quan đến vận tải hoặc vận chuyển trong hoặc ngoài cơ sở của họ: Chưa biết.

Hoa Kỳ (DOT) / TDG Canada: Chưa quy định đối với vận chuyển. **ICAO/ IATA:** Chưa phân loại là Nguy hiểm
IMO / IDMG: Chưa phân loại là Nguy hiểm **ADR/RID:** Chưa phân loại là Nguy hiểm

Phần 15: THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH

Đạo luật Liên bang về Thuốc diệt côn trùng, Thuốc diệt nấm và Thuốc diệt Loài gặm nhấm (FIFRA)

Hóa chất này là một sản phẩm thuốc trừ sâu được đăng ký bởi Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ và phải tuân theo một số yêu cầu ghi nhãn theo luật thuốc trừ sâu của liên bang. Các yêu cầu này khác với các tiêu chí phân loại và thông tin về chất nguy hiểm bắt buộc phải có đối với các bảng chỉ dẫn an toàn hóa chất (SDS) và đối với các nhãn hóa chất không phải thuốc trừ sâu tại nơi làm việc. Thông tin về chất nguy hiểm bắt buộc phải có trên nhãn thuốc trừ sâu được thể hiện bên dưới. Nhãn thuốc trừ sâu cũng bao gồm các thông tin quan trọng khác, kể cả hướng dẫn sử dụng.

CHẤT NGUY HIỂM ĐỐI VỚI CON NGƯỜI VÀ VẬT NUÔI

THẬN TRỌNG: Gây kích ứng mắt vừa phải. Tránh tiếp xúc với mắt, da hay quần áo. Rửa kỹ bằng xà phòng và nước sau khi xử lý và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su, sử dụng thuốc lá hoặc đi vệ sinh.

SƠ CỨU

NẾU DÍNH VÀO MẮT: Mở mắt và rửa từ từ và nhẹ nhàng với nước trong 15-20 phút. Tháo kính áp tròng, nếu có, sau 5 phút đầu tiên, sau đó tiếp tục rửa mắt. Gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ để được tư vấn điều trị.

NẾU DÍNH VÀO DA HOẶC QUẦN ÁO: Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Ngay lập tức rửa sạch da với thật nhiều nước trong 15-20 phút. Gọi cho trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ để được điều trị hoặc tư vấn.

SỐ ĐĂNG KÝ EPA: 1839-220-56782

Tất cả các thành phần được liệt kê trên: Bản kiểm kê TSCA và DSL.

SARA Tiêu đề III: Mục 311/312 Danh mục chất nguy hiểm - **Số CAS** **Danh mục chất nguy hiểm** **Tối đa điển hình Nồng độ**
 Không

SARA Tiêu đề III: Mục 313 Đạo luật sửa đổi và cấp phép lại Superfunds năm 1986 – Vật liệu này không chứa bất kỳ thành phần hóa học nào có số CAS đã biết vượt quá mức báo cáo theo ngưỡng (De Minimis) được thiết lập bởi SARA Tiêu đề III, Mục 313.
 Mục 302 – Không có hóa chất nào trong vật liệu này phải tuân theo các yêu cầu báo cáo của SARA Tiêu đề III, Mục 302.

- Đạo luật Không khí Sạch (CAA):** Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất ô nhiễm không khí nguy hiểm (HAP) nào, theo định nghĩa của Đạo luật Không khí Sạch Hoa Kỳ, Mục 12 (40 CFR 61).
- Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào được liệt kê theo Mục 112(r) của Đạo luật Không khí Sạch Hoa Kỳ về Phòng ngừa Phát thải do Tai nạn (40 CFR 68.130, Phần phụ F).
- Sản phẩm này không chứa bất kỳ hóa chất nào được liệt kê theo Đạo luật Không khí Sạch Hoa Kỳ, Mục 111 SOCMH Hợp chất hữu cơ bay hơi trung gian hoặc cuối cùng (40 CFR 60.489).
- Đạo luật Nước Sạch (CWA):** Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất độc hại nào được liệt kê theo Đạo luật Nước Sạch của Hoa Kỳ, Mục 311, Bảng 116.4A.
- Sản phẩm này không chứa bất kỳ Hóa chất Nguy hiểm nào được liệt kê theo Đạo luật Nước Sạch Hoa Kỳ, Mục 311, Bảng 117.3.
- Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất ô nhiễm độc hại nào được liệt kê theo Đạo luật Nước Sạch Hoa Kỳ, Mục 307

Phần 15: THÔNG TIN VỀ CÁC QUY ĐỊNH – tiếp tục

Danh sách Quyền được biết của Tiểu bang: Không chứa bất kỳ thành phần nào với khối lượng có thể báo cáo

Đề xuất California 65:

<u>Tên hóa học</u>	<u>Số CAS</u>	<u>Nồng độ tối đa điển hình</u>
Không chứa bất kỳ thành phần nào với khối lượng có thể báo cáo		

Sản phẩm này đã được phân loại là “nguy hiểm” theo Ủy ban An toàn Sản phẩm Tiêu dùng (16 CFR Chương 2), và được dán nhãn và đóng gói theo quy định tương ứng.

Quy định của Ủy ban An toàn Sản phẩm Tiêu dùng Hoa Kỳ

Sản phẩm này được dán nhãn theo các quy định do Ủy ban An toàn Sản phẩm Tiêu dùng (CPSC) quản lý. Tuy nhiên, phương thức sử dụng và phơi nhiễm ở nơi làm việc nói chung không phù hợp với những trải nghiệm của người tiêu dùng. Do đó, các yêu cầu của Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp áp dụng cho SDS này khác với các yêu cầu ghi nhãn của CPSC, và SDS này có thể có các thông tin bổ sung về chất nguy hiểm đối với sức khỏe không phù hợp với việc sử dụng của người tiêu dùng và không được tìm thấy trên nhãn sản phẩm.

Phần 16: CÁC THÔNG TIN KHÁC

<u>Kích thước</u>	<u>UPC</u>
32 ounce chất lỏng	043318004797
32 ounce chất lỏng, 3 gói	043318006357
1 gallon kèm 32 ounce chất lỏng	043318005299
64 ounce chất lỏng kèm hai lọ 32 ounce chất lỏng	043318005565
1 gallon	043318005282

Chỉ liệt kê các mặt hàng của Hoa Kỳ. Không phải tất cả các mục được liệt kê. Các mặt hàng của Hoa Kỳ có thể không hợp lệ để bán quốc tế.

Từ viết tắt

NTP	Chương trình Độc học Quốc gia	IARC	Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế
OSHA	Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp	CPSC	Ủy ban An toàn Sản phẩm Tiêu dùng
TSCA	Đạo luật Kiểm soát Chất độc	DSL	Danh sách các chất nội địa
A	Tức thì (Cấp tính)	F	Chất nguy hiểm cháy

Được lập / Sửa đổi bởi: Sunshine Makers, Inc., Bộ phận Quản lý.

SDS này đã được sửa đổi trong các phần sau: Điều chỉnh Phần 3 theo Công bố Thành phần California và các sửa đổi nhỏ.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM: Thông tin được cung cấp trong Bảng Chỉ dẫn An toàn Hóa chất này là chính xác theo hiểu biết, thông tin và niềm tin tốt nhất của chúng tôi tại ngày xuất bản. Thông tin đã cung cấp chỉ nhằm hướng dẫn cho quá trình xử lý, sử dụng, chế biến, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và phát thải một cách an toàn và không được coi là sự bảo đảm hoặc đặc điểm kỹ thuật chất lượng. Thông tin chỉ liên quan đến vật liệu cụ thể được chỉ định và có thể không có giá trị đối với vật liệu đó được sử dụng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được quy định trong văn bản.